TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HS-ST
Ngày: 30/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH GIA LAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo
Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Nghị.
Ông Nguyễn Văn Thành.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hưởng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*: Ông Dương Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HS ngày 13/3/2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 16/12/2007, tại: xã T, tỉnh Gia Lai; Thẻ căn cước công dân: 052207013442; nơi cư trú: Khối P, xã T, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc S: Bà Nguyễn Thị Hồng T1 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai (có mặt).

- *Người bị hại:* Trần Văn T2, sinh năm 1954 (có đơn vắng mặt);

Trú tại: Khối P, xã T, tỉnh Gia Lai.

- *Người làm chứng:*

+ Nguyễn Thị T3, sinh năm 1959 (vắng mặt);

+ Đinh Vũ Hiệp Thanh N, sinh năm 1981 (vắng mặt);

+ Trần Đức T4, sinh năm 2008 (vắng mặt);

+ Võ Gia H, sinh năm 2009 (vắng mặt);

Đồng trú tại: Khối P, xã T, tỉnh Gia Lai.

- Trần Thị Mỹ T5, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Trú tại: Số nhà I, đường C tháng B, phường P, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Nguyễn Văn H1, sinh năm 2007 (vắng mặt);

Trú tại: Thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai.

+ Nguyễn Văn H2, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Trú tại: K, xã T, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 10/07/2025, Nguyễn Ngọc S (sinh ngày 16/12/2007, ở khối P, xã T, tỉnh Gia Lai) đi đến quán K thuộc khối P, xã T, tỉnh Gia Lai chơi với Nguyễn Văn H1 (sinh năm 2007, ở thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai, đang là nhân viên của quán). Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, S hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Vario, màu đen, biển số 77AG-062.82 của H1 để đi về nhà của mình, Hiệp đồng Ý. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, S điều khiển xe mô tô nói trên một mình đi đến nhà ông Trần Văn T2 (sinh năm 1954, ở khối P, xã T, tỉnh Gia Lai) để chơi. Khi đến nhà ông T2, S dựng xe mô tô trước cổng nhà, thấy cửa trước nhà ông T2 mở nên S đi vào trong phòng bếp rồi mở cửa phòng ngủ thì thấy ông T2 đang nằm ngủ trên võng. S kêu "ông T2 ơi" nhưng ông T2 ngủ, không trả lời. S đóng cửa phòng ngủ lại rồi quay ra phòng bếp thì thấy trên bàn gỗ, mặt bàn làm bằng đá tự nhiên có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, vỏ màu xanh dương có gắn ốp lưng màu xanh dương của ông T2 nên nảy sinh ý định lấy trộm đem về để sử dụng. S đi đến vị trí để điện thoại, dùng tay phải lấy điện thoại Iphone 12, mở màn hình lên xem thì thấy có mật khẩu nên S bấm thử các số "111111", "999999" rồi đến "000000" thì mở được khóa màn hình. S lấy điện thoại bỏ vào trong túi quần bên phải rồi nhanh chóng đi ra khỏi nhà ông T2, đóng cổng ngõ lại rồi điều khiển xe mô tô bỏ đi. Sau đó, S điều khiển xe mô tô đến tiệm Đ thuộc K, xã T, tỉnh Gia Lai mua 01 cục sạc Iphone màu trắng để sạc điện thoại vừa lấy trộm được rồi điều khiển xe đi đến quán K để trả xe cho H1 và ở lại chơi với H1. Trên đường đi, S dừng lại lấy điện thoại ra mở khoá màn hình rồi xóa toàn bộ dữ liệu trong điện thoại, cài đặt lại điện thoại từ đầu như mới, đặt lại mật khẩu mở khoá màn hình là "2007" và lấy thẻ sim gắn trong điện thoại ra ném bỏ đi (không nhớ vị trí ném cụ thể).

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, S về nhà tắm rửa rồi lấy điện thoại vừa trộm được ra sử dụng tại phòng ngủ của mình thì có lực lượng Công an đến, phát hiện nên tiến hành lập biên bản thu giữ và mời S về trụ sở làm việc. Quá trình làm việc S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng vụ án, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh G đã thu giữ:

+ 01 chiếc điện thoại di động Iphone 12, vỏ màu xanh dương, ốp lưng màu xanh dương, số IMEI: 353241892069884, IMEI 2: 353241892152854, gắn sim số0385254246. Kiểm tra trong điện thoại không có dữ liệu liên quan. Ngày 23/10/2025, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh G đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 13814/QĐ-VPCQCSĐT, đối với chiếc điện thoại di động nói trên bằng hình thức giao trả cho chủ sở hữu là ông Trần Văn T2.

+ 01 áo khoác màu đen, dài tay, trên mỗi tay áo có 03 sọc dọc màu trắng, mặt trước áo có chữ "adidas" màu trắng; 01 mũ vải màu xám, không rõ nhãn hiệu; 01 quần tây dài màu đen, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng của Nguyễn Ngọc S mặc trên người khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà ông Trần Văn T2.

Ngày 09/09/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh G đã ra văn bản yêu cầu định giá tài sản số 12378/YC-VPCQCSĐT đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Gia Lai định giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 của ông Trần Văn T2. Ngày 13/09/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng tỉnh Gia Lai kết luận: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 12 tại thời điểm ngày 10/07/2025, tài sản có giá trị là 4.467.000đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Về dân sự: Quá trình điều tra, bị hại là ông Trần Văn T2 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKSKV4 ngày 09/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc S về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Điều 12, Điều 115; Điều 118 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S mức án từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập vì bị cáo khi phạm tội chưa thành niên.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị miễn xét.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác màu đen, dài tay, trên mỗi tay áo có 03 sọc dọc màu trắng, mặt trước áo có chữ "adidas" màu trắng; 01 mũ vải màu xám, không rõ nhãn hiệu; 01 quần tây dài màu đen, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Ngọc S vì liên quan đến hành vi phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc S là bà Nguyễn Thị Hồng T1, trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai trình bày:

Thống nhất hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc S thực hiện đã phạm tội *"Trộm cắp tài sản*" như bản cáo trạng cũng như lời luận tội Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất là từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội cũng như đề nghị giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết ăn năn hối hận về hành vi sai trái của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và Điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện:

Vì muốn thoả mãn nhu cầu sử dụng của cá nhân nên vào khoảng 14 giờ ngày 10/07/2025, tại nhà ông Trần Văn T2 ở khối P, xã T, tỉnh Gia Lai, bị cáo Nguyễn Ngọc S đã có hành vi lén lút lấy trộm của ông Trần Văn T2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu xanh, màn hình cảm ứng có giá trị là 4.467.000đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) đang để trên bàn gỗ đặt tại phòng bếp nhà ông T2. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Ngọc S có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai truy tố là có căn cứ.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc S là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trên địa bàn. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc S có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây ra thiệt hại không lớn; bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức về pháp luật có phần hạn chế nhất định. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các

điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Ngọc S có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo, giáo dục tại địa phương như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 giữ quyền công tố tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên nên miễn khấu trừ thu nhập.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc S: 01 (một) áo khoác màu đen, dài tay, trên mỗi tay áo có 03 sọc dọc màu trắng, mặt trước áo có chữ "adidas" màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) mũ vải màu xám, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng; 01 (một) quần tây dài màu đen, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/3/2026 giữa Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Gia Lai và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G).

[7] Đối với anh Nguyễn Văn H1, tuy đã có hành vi cho Nguyễn Ngọc S mượn xe mô tô nhãn hiệu Vario, màu đen, biển số 77AG-062.82 của H1 để đi lại rồi sau đó S dùng để đi đến nhà ông Trần Văn T2 thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12, màu xanh của ông T2 nhưng khi cho S mượn thì H1 không biết việc S mượn xem mô tô của mình để đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nên không có căn cứ để xem xét, xử lý đối với H1.

[8] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Ngọc S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[9] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai luận tội và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc S là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 118 của Luật tư pháp người chưa thành niên;

Căn cứ Điều 135; Điều 136; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh G nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc S cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

3. Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên không giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo khoác màu đen, dài tay, trên mỗi tay áo có 03 sọc dọc màu trắng, mặt trước áo có chữ "adidas" màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) mũ vải màu xám, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng; 01 (một) quần tây dài màu đen, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/3/2026 giữa Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Gia Lai và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được hoặc niêm yết Bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Phương Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 4 – Gia Lai;
- Phòng HSNV (PV06) CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 4, tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; bị hại;
- Đương sự vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.